

2. Phạm Quốc Đ (Tên gọi khác: Ba Đ); sinh năm 1989 tại tỉnh Kon Tum; nơi ĐKHKTT: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991; bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 03 anh em; tiền sự: Không, tiền án: 02.

Bản án phúc thẩm số 30/2008/HS-PT ngày 25/11/2008, Tòa phúc thẩm TAND tỉnh Kon Tum, sửa án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 15 tháng tù và bồi thường số tiền 3.017.500 đồng.

Bản án số 65/2010/HS-ST ngày 22/09/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” và buộc bồi thường số tiền 4.359.700 đồng. Ngày 11/3/2016 chấp hành xong hình phạt trở về sinh sống tại địa phương. Bị cáo chưa được xóa án tích và chưa bồi thường xong về dân sự trong 02 vụ án trên nên chưa được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2018 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Hải N (Tên gọi khác: N đen); sinh năm 1995 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Trọng L, sinh năm 1965, con bà Lê Thị H, sinh năm 1968, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 02 anh em. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2018 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Bá C (Tên gọi khác: C cây cảnh); sinh năm 1983 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi ĐKHKTT: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C (Đã chết); vợ là Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1995; bị cáo có 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không, tiền án:

Bản án số 34/HS-ST ngày 05/8/2004, bị TAND tỉnh Kon Tum xử phạt 20 năm tù về tội “Giết người” và bản án số 196/HSPT ngày 18/03/2005 TAND Tối cao tại Đà Nẵng xử y án sơ thẩm. Ngày 02/02/2017 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống.

Bản án số 30/HS-ST ngày 12/07/2019, bị TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Nhân thân: Ngày 12/10/2000 bị cáo bị UBND tỉnh Kon Tum ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng 02 năm. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2018 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Văn H (Tên gọi khác: H nhỏ); sinh năm 1993 tại tỉnh Kon Tum; nơi ĐKHKTT: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L, sinh năm: 1960, con bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1960; bị cáo

là con út trong gia đình có 03 anh em. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/8/2018 đến ngày 22/11/2019 được thay thế biện pháp bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

6. Trình Quốc H (Tên gọi khác: H chó); sinh năm 1992 tại tỉnh Kon Tum; nơi ĐKHKTT: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trình Văn L, sinh năm 1962 và bà Trần Thị L, sinh năm 1972; có vợ là Lê Thị Hồng T, sinh năm 1999 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 64/HS-ST ngày 27/6/2013, bị TAND thành phố K xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bản án số 106/HS-ST ngày 29/9/2014, bị TAND thành phố K xử phạt 9 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt 21 tháng tù; ngày 31/8/2015 được đặc xá và đã xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày từ ngày 14/8/2018 đến ngày 28/11/2019 được thay thế biện pháp bảo lãnh, có mặt.

7. Trần Đăng C1 (Tên gọi khác: T); sinh năm 1998 tại tỉnh Kon Tum; nơi ĐKHKTT: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam, con ông Trần Q, sinh năm 1974 và bà Trần Thị K T, sinh năm 1975, có vợ là Phạm Thị Bích C, sinh năm 1997. Bị cáo có 01 con sinh năm 2018. Tiền án: Không, tiền sự: Quyết định số 6892/QĐXP ngày 25/5/2017, xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng, ngày 02/6/2017 nộp phạt. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/8/2018 đến ngày 22/11/2019 được thay thế biện pháp bảo lãnh, có mặt.

8. Nguyễn Thế H1; sinh năm 1996 tại tỉnh Kon Tum; nơi ĐKHKTT: Kon Tum; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trường S (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã bỏ đi, không rõ năm sinh, nơi ở); vợ là Ngô Thùy Trang, sinh năm 1996, bị cáo có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Bản án số 91/2020/HS-ST ngày 31/12/2010, bị TAND thành phố K xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” đã chấp hành xong.

Bản án 36/2013/HS-ST ngày 10/4/2013, bị TAND thành phố K xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”

Bản án số 64/2013/HS-ST và ngày 27/06/2013, bị TAND thành phố K xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt bị báo phải

chấp hành 15 tháng tù, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/8/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Văn K; sinh năm 1985 tại tỉnh Ninh Bình; nơi ĐKKHKT: tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1947; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/8/2018 đến ngày 21/9/2018 được thay thế biện pháp bảo lãnh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhật Q: Ông Hoàng Minh T – thuộc Văn phòng Luật sư M – Đoàn Luật sư tỉnh KonTum; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại có kháng cáo

Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; trú tại: tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước giữa nhóm KonTum, gồm: Phạm Anh T1, Phạm Quốc Đ, Nguyễn Nhật Q, Hoàng Văn H, Trình Quốc H, Lê Bá C, Trần Đăng C1, Trương Hải N, Nguyễn Thế H1 với nhóm ở Hải Phòng, gồm: H2 Tất T2, Vũ Văn H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D và một số người khác.

Vào khoảng 23 giờ ngày 05/8/2018 tại quán Bar W, đường N, thành phố K. Khi T1 nhìn thấy nhóm Hải Phòng nên nói với Hoàng Văn H “*Em về nhà anh lấy hộ cái bao tải để trên tủ quần áo trong phòng ngủ*”. Đồng thời, T1 nói với Đ tí nữa mỗi người cầm một khẩu súng lên sân khấu nói chuyện. H rủ Trương Hải N cùng đi về nhà T1 lấy bao tải màu đỏ ra để lên xe ô tô và điều khiển xe quay lại quán Bar. Lúc này, nhóm người Hải Phòng tính tiền để đi về. Khi H và N về đến quán Bar, N mở bao tải lấy 02 khẩu súng đem vào trong quán đưa cho T1 và Đ mỗi người cầm 01 khẩu súng rồi cả hai đi lên sân khấu. T1 yêu cầu tắt nhạc và cầm micrô hô lớn: “*Anh em Kon Tum hãy đoàn kết lại đánh đuổi hết bọn Hải Phòng, anh em có đồng ý không*”? thì nhiều người hô to “*đồng ý*” vừa nói xong T1 bắn 02 phát súng lên trần nhà, Đ cũng bắn lên trần nhà. Sau khi bắn xong, Đ và T1 đưa súng cho N cất phía sau quán. Cùng lúc này nhóm Hải Phòng có T2, H2, T, D quay lại vào bên trong quán Bar, bị T1 và những người trong nhóm xông vào dùng tay chân, đấm, đá, ly, ghế đánh và ném vào nhóm của T2, H2. Còn T1 dùng dao đâm T2, H2, T, D làm H2 bị thương nằm gục dưới sàn nhà quán Bar, T2, T và D chạy được ra ngoài quán và gọi taxi đến Bệnh viện. Lúc này H2 đang nằm tại sàn nhà quán Bar thì T1 đưa dao và

bảo Nguyễn Nhật Q cắt đứt gân gót chân của H2. H2 co chân lại nhưng Q vẫn giữ được và cắt gân chân, sau đó nhóm của T1 ra ngoài quán bar. H2 được nhân viên quán Bar đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum. H quả H2 Tất T2, Vũ Văn H2 tử vong do vết thương quá nặng, Nguyễn Văn T bị thương tích 4%, D bị xay sát nhẹ.

Khi ra trước quán Bar, T1 hô hào mọi người đi tìm nhóm Hải phòng để đánh và nói Trương Hải N lấy hai khẩu súng AK đưa lại cho T1, Đ. Sau đó, tất cả cùng đi, xác định được gồm: T1, Đ, Trình Quốc H, Hoàng Văn H, Lê Bá C, Trần Đăng C1, Nguyễn Bảo C2, Nguyễn Tấn P và một số đối tượng khác (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi xe mô tô đến số nhà 299 đường P của anh Ngô D Đ. Tại đây T1 dùng súng bắn vào trong nhà, bắn chết một con chó và hô hào mọi người phá cổng, cửa nhà để tìm người, khi vào nhà chỉ có vợ (chị Chinh) và 3 con nhỏ của anh Đ ở nhà nên cả nhóm bỏ đi đến số nhà 133 đường T, do Phạm Minh T3 thuê để ở, T1 dùng súng bắn vào trong nhà và một số người đi cùng đập phá cổng để vào nhà nhưng không được, hơn nữa thấy trong nhà không có người. Cả nhóm tiếp tục bỏ đi đến nhà của Nguyễn H, tại số 40 N, T1 dùng súng bắn vào nhà, làm Đỗ Anh S bị thương, còn những người đi cùng đã phá cổng, cửa xông vào trong nhà, S vào nhà tắm chốt cửa lại nên cả nhóm bỏ đi. T1 nói về cầu Đ nên tất cả cùng đi, đến nơi T1 nói nhờ anh em lo cho vợ con và nói mọi người giải tán, ai về nhà đấy.

T1 đưa súng cho Đ cầm và lái xe mô tô chở Hoàng Văn H đi về hướng Gia Lai. Đ cầm 02 khẩu súng AK, Trần Đăng C1 chở về, trên đường đi về Đ bảo C1 dừng cất giấu 02 khẩu súng ở một hồ sâu bên đường và nhờ C1 chở về nhà ở đường T. Sau đó, Đ lấy xe ô tô quay lại nơi cất súng và lấy 02 khẩu súng để lên xe ô tô, Đ điện thoại và hẹn gặp T1 bên kia cầu Đ, trả lại cho T1 một khẩu súng AK, T1 mang súng đi cất rồi quay lại chở H đi Gia Lai, nhà Nguyễn Thụy S xin ở nhờ. T1 nhờ S đi mua hộ quần áo, đồ dùng cá nhân và hộp sơn, H sơn lại màu sơn xe mô tô. Đến khoảng 17 giờ 30 ngày 06/8/2018, T1 để lại con dao gấp gậy án ở trên bàn, nhờ S giữ dùm, T1 và H bỏ trốn tại thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vài ngày sau H về Kon Tum và đến Cơ quan CSĐT đầu thú. Sau đó, S mới biết được việc T1 giết người tại Kon Tum, thông qua Phúc nên S đi đến nhà anh H2 là cảnh sát hình sự tại Plei Ku để kể sự việc, trên đường đi S mang con dao T1 gửi ném tại khu vực bụi cây đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Còn Đ đem khẩu súng AK cất giấu tại khu vực nghĩa trang ở thôn 4 xã H, thành phố K rồi quay về nhà trọ chờ bạn gái tên Nguyễn Thị Trà M đi Đắc Lắc, sau đó bỏ trốn tại thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Sau khi giải tán tại cầu Đ, Trương Hải N đem ba khẩu súng tự chế cho vào bao tải đem đi cất giấu trong lùm cây ở đường B, thành phố K và đi về nhà trọ.

Sau khi xảy ra vụ án, Đ điện thoại hỏi Nguyễn Thế H1 là nhân viên bảo vệ quán Bar W, có gắn camera không và nhờ H1 xóa dữ liệu hình ảnh để phi tang chứng cứ về hành vi phạm tội. Do không xóa được nên Nguyễn Thế H1 nhờ Nguyễn Văn K nhân viên quán Bar, cả hai tháo thiết bị ổ cứng lưu trữ dữ liệu camera tại quán Bar, lúc này Công an đến, K chỉ đường cho H1 cầm ổ cứng leo qua hàng rào phía sau quán Bar để thoát ra ngoài. Sau đó, H1 gọi điện nhờ Trương Hải N chở đi, trên đường đi N hỏi H1 đi đâu? H1 trả lời đi ra cầu treo Kon Klor, đến nơi H1 vứt thiết bị lưu trữ dữ liệu camera xuống sông. N chở H1 về, trên đường về H1 nói cho N biết vứt ổ cứng của camera. N nói với H1 cất giấu bao tải có ba khẩu súng tự chế, trên đường B giờ không biết sao? H1 nói N, muốn cất thì đi đến lấy nên cả hai lấy mang đến nhà N nhưng không có chìa khóa vào nhà, H1 nói đến nhà bà Nguyễn Thị Thu T (mẹ của Đ) cất, tại địa chỉ 86/18 đường K, thành phố K, H1 là người trực tiếp cầm bao tải súng cất giấu ở phía sau nhà vệ sinh, sau đó cả hai đi về.

Cơ quan CSĐT đã phối hợp với phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, tổ chức trực vớt thiết bị lưu trữ dữ liệu Camera tại khu vực cầu treo K nhưng không tìm được.

Ngày 26/8/2018 Phạm Quốc Đ đến Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Kon Tum đầu thú và giao nộp 01 khẩu súng AK báng gấp, trong hộp tiếp đạn có 01 viên đạn và bị tạm giam. (Các bút lục 405 - 859; 999 – 1041; 1120 – 1134).

Tại Bản kết luận giám định số 632/C09C-Đ3 ngày 07/09/2018 của Phân viện khoa học hình sự, Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- 01 Khẩu súng dài 880mm (ghi ký hiệu S1) gửi giám định là súng tiểu liên AK cỡ nòng 7,62mm, còn bắn được đạn nổ và thuộc vũ khí quân dụng.

- 02 khẩu súng dài 430mm và 520mm (ghi ký hiệu S2, S4) gửi giám định là súng tự chế, bắn đạn ghém cỡ 12, còn bắn được đạn nổ và thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng; 01 Khẩu súng dài 790mm (ghi ký hiệu S3) gửi giám định là súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 12, hiện tại không bắn được đạn nổ do kim hỏa bị cong gập (không có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người) nên không phải là vũ khí.

- Viên đạn gửi giám định là loại đạn cỡ (7,62x39) mm còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng.

- 02 vỏ đạn ghi thu ở vị trí 1,3 tại quán Bar W do khẩu súng tiểu liên AK nêu trên bắn ra; 05 vỏ đạn gồm: 01 vỏ đạn ghi thu ở vị trí số 6 tại quán Bar W, 03 vỏ đạn ghi thu ở vị trí số 1,2,3 tại địa chỉ 299 P và 01 vỏ đạn ghi thu tại số nhà 40 Nguyễn Thượng Hiền không phải do 04 khẩu súng nêu trên bắn ra.

- 07 mẫu kim loại (nghỉ là mảnh và mẫu của đầu đạn) gửi giám định gồm: 02 mẫu kim loại (01 ghi thu ở vị trí số 5 tại địa chỉ 299 P và 01 mẫu ghi thu tại số nhà 40 N) là vỏ đầu đạn và đầu đạn cỡ 7,62mm đã bị biến dạng, không phải do 03 khẩu súng tự chế nêu trên bắn ra và không đủ cơ sở xác định có phải khẩu súng AK nêu trên bắn ra hay không); 03 mẫu kim loại (02 ghi thu ở vị trí số 5 tại địa chỉ 299 P và 01 mẫu ghi thu ở vị trí số 1 tại 133 đường T) là lõi đầu đạn cỡ 7,62mm; 02 mẫu kim loại (01 ghi thu ở vị trí số 4 tại địa chỉ 299 P và 01 mẫu ghi thu ở vị trí số 4 tại 133 đường T) không đủ cơ sở xác định có phải là đầu đạn hay không. Dấu vết trên 02 mẫu kim loại này và 03 lõi đầu đạn nêu trên không đủ cơ sở xác định vật gây ra.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 93/TgT- TTPY ngày 27/08/2018 của Trung Tâm pháp y, tỉnh Kon Tum, kết luận: Nguyễn Văn T, vết thương vùng ngực bên trái, còn chỉ khâu + Sẹo 1/3 trên mặt trong cẳng tay bên trái nền sẹo hơi đỏ, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 04%.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 94/TgT-TTPY ngày 27/08/2018 của Trung Tâm pháp y, tỉnh Kon Tum, kết luận: Đỗ Anh S, hai vết thương vùng ngực bên phải; Hai vết thương mặt trong trước và sau cánh tay phải bầm tím cánh tay phải 05%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 05%.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 100/TT-TTPY ngày 15/08/2018 của Trung Tâm pháp y, tỉnh Kon Tum, nguyên nhân chết đối với H2 Tất T2: Mất máu cấp/ Đa vết thương thấu bụng + thấu ngực (Thủng phổi trái + gan + đại tràng + dạ dày).

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 101/TT-TTPY ngày 06/08/2018 của Trung Tâm pháp y, tỉnh Kon Tum nguyên nhân chết đối với Vũ Văn H2: Mất máu cấp/ Vết thương thấu ổ bụng + thấu ngực (Thủng dạ dày- đứt mạch máu dạ dày. Các bút lục 201 – 229).

Tại Kết luận định giá tài sản số 07/KL –ĐG ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: Tổng giá trị thiệt hại là 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng).

Trong đó, tại nhà 299 P của chị Chinh gồm: Một con chó Rottweiler (giống Đức) nặng 50 kg, bị bắn chết, trị giá là 60.000.000 đồng và chi phí sửa cửa sắt là 5.000.000 đồng, sửa cửa phòng thờ là 4.000.000 đồng. Còn tại nhà 133 đường T, chi phí sửa tủ kính bếp là 5.000.000 đồng.

- Đối với thiệt hại tại quán Bar W và nhà số 40 Nguyễn Thượng Hiền. Chủ sở hữu không yêu cầu bồi thường vì thiệt hại không đáng kể nên Cơ quan CSĐT không yêu cầu định giá tài sản.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HSST ngày 12/5/2021, Tòa án

nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Nhật Q phạm tội “*Giết người*”.

Bị cáo Phạm Quốc Đ phạm các tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và Gây rối trật tự công cộng*”

Bị cáo Trương Hải N phạm các tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và Gây rối trật tự công cộng*”.

Các bị cáo Lê Bá C, Hoàng Văn H, Trình Quốc H, Trần Đăng C1, Nguyễn Bảo C2 và Nguyễn Tấn P, phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Các bị cáo Nguyễn Thế H1 và Nguyễn Văn K phạm tội “*Che giấu tội phạm*”

2. Áp dụng pháp luật và xử phạt :

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhật Q** 13 (*Mười ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 11 năm 2019.

- Áp dụng điểm h, khoản 2 Điều 304 và điểm b, e khoản 2 Điều 318; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc Đ** 08 (*Tám*) năm tù, về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” và 06 (*Sáu*) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Tổng hợp hình phạt chung đối với 02 tội là: 14 (*mười bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26 tháng 8 năm 2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304 và điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trương Hải N** 04 (*Bốn*) năm 6 (*Sáu*) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” và 04 (*Bốn*) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Tổng hợp hình phạt chung đối với 02 tội là: 8 (*Tám*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07 tháng 8 năm 2018.

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Bá C** 05 (*Năm*) năm 6 (*Sáu*) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 05 năm 06 tháng tù của bản án số: 30/HS-ST ngày 12/07/2019. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt

chung của hai bản án là 11 (*Mười một*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/8/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn H 05 (Năm)** năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/8/2018 đến ngày 22/11/2019.

Xử phạt bị cáo **Trình Quốc H 05 (Năm)** năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/8/2018 đến ngày 28/11/2019.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Đăng C1 03 (Ba)** năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/8/2018 đến ngày 22/11/2019.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế H1 03 (Ba)** năm 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/8/2018.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 02 (*Hai*) năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời gian thử thách là 04 (*Bốn*) năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2019).

Giao bị cáo cho UBND phường Quyết T2, thành phố KonTum, tỉnh KonTum giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/5/2021 người bị hại anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đối với các bị cáo Nguyễn Nhật Q, Phạm Quốc Đ, Hoàng Văn H, Trương Hải N, Nguyễn Thế H1, Lê Bá C, Trần Đăng C1, Trình Quốc H, Nguyễn Văn K có hành vi tổ chức giết người và làm rõ đối tượng chở Phạm Quốc Đ bỏ trốn.

Ngày 18/5/2021 bị cáo Nguyễn Nhật Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/5/2021 bị cáo Trương Hải N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/5/2021 bị cáo Trình Quốc H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/5/2021 bị cáo Lê Bá C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/5/2021 bị cáo Phạm Quốc Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đối với kháng cáo của người bị hại, thấy các bị cáo có dấu hiệu đồng phạm về tội “giết người”, nhưng không ảnh hưởng đối với các tội danh khác, do đó đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Nhật Q để giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra lại về tội “giết người” đối với các bị cáo. Đối với các tội danh khác bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhật Q trình bày: Về đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm của Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận, đối với yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Q, bị cáo không gây ra cái chết cho bị hại và có vai trò thứ yếu, do đó đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Nhật Q thống nhất lời bào chữa và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phạm Quốc Đ khai tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận nhóm của bị cáo đang ngồi ở quán Bar khi nghe T1 hô anh em KonTum đoàn kết đánh đuổi bọn Hải Phòng thì đồng ý; bị cáo có dùng tay đánh một trong nhóm người bị hại. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trương Hải N khai khi được Hoàng Văn H rủ thì cùng về nhà T1 lấy 2 khẩu súng đưa cho T1 và Đ, về hành vi giết người bị cáo không đồng ý khi Phạm Anh T1 hô đánh nhóm người Hải Phòng và cũng không tham gia đánh nhóm người bị hại, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Các bị cáo Trình Quốc H, Lê Bá C xin giảm nhẹ hình phạt tù và không thừa nhận có tham gia đánh nhóm người bị hại, và không có hành vi giết người.

Các bị cáo khác không có kháng cáo, nhưng bị người bị hại kháng cáo đều trình bày, các bị cáo không có hành vi giết người, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do có mâu thuẫn từ trước giữa các bị cáo và nhóm người Hải Phòng nên vào khoảng 23 giờ ngày 05/08/2018 tại quán Bar W, đường Nguyễn Huệ, thành phố K. Phạm Anh T1, nhìn thấy các bị hại là T2, H2, T và D nên Tài nói

với Hoàng Văn H “*Em về nhà lấy hộ anh cái bao tải để trên tủ quần áo trong phòng ngủ*”. H rủ Trương Hải N đi cùng, H vào nhà T1 lấy và mang đến quán Bar, N mở bao tải lấy 02 khẩu súng đem vào quán đưa cho T1, T1 nói với Đ mỗi người cầm một khẩu súng lên sân khấu, T1 cầm micrô hô lớn: “*anh em Kon Tum hãy đoàn kết lại đánh đuổi hết bọn Hải Phòng, anh em có đồng ý không*”? nhiều người hô to “*đồng ý*”. T1 bắn 02 phát súng lên trần nhà, Đ bắn 01 phát. Lúc này T2, H2, T, D vào trong quán Bar, bị T1 và những người trong nhóm xông vào dùng tay chân đâm, đá; dùng ly, ghế ném vào nhóm của H2. Còn T1 dùng dao đâm làm T2, T và D bị thương và chạy được ra ngoài. H2 bị thương nằm gục dưới sàn quán Bar, T1 đưa dao và bảo Nguyễn Nhật Q cắt đứt gân gót chân của H2. H quả Vũ Văn H2 và H2 Tất T2 tử vong do vết thương quá nặng, Nguyễn Văn T bị thương tích 4%. T1 hô hào mọi người đi tìm nhóm Hải phòng để đánh, gồm: T1, Đ, Trình Quốc H, Hoàng Văn H, Lê Bá C, Trần Đăng C1, Nguyễn Bảo C2, Nguyễn Tấn P đi xe mô tô đến số nhà 299 đường P, nhà 133 đường T và 40 Nguyễn Thượng Hiền. T1 dùng súng bắn vào trong nhà và cùng các bị cáo khác phá cổng, cửa để tìm anh Đ và anh H nhưng không có nên về cầu Đ và giải tán. Kết quả làm Đỗ Anh S bị thương tích 5%; chết một con chó và hư hỏng một số tài sản trị giá 74.000.000 đồng.

T1 đưa súng cho Đ và lái xe chở Hoàng Văn H về hướng Gia Lai. Còn Đ nhờ C1 chở về, Đ cất giấu 02 khẩu súng AK ở bên đường và đi về. Sau đó, Đ quay lại lấy 02 khẩu súng, liên lạc và gặp T1 để trả một khẩu súng, T1 mang đi cất xong, quay lại chở H đi Gia Lai trốn thoát. Đ đem khẩu súng cất giấu tại nghĩa trang, quay về chở M đi Đắk Lắk. Còn Trương Hải N đem bao tải đựng ba khẩu súng tự chế cất giấu trong lùm cây ở đường B. Trên đường đi Đắk Lắk, Đ điện thoại cho Nguyễn Thế H1 hỏi quán Bar có gắn camera không và nhờ xóa hình ảnh dữ liệu để che giấu hành vi phạm tội. Không xóa được nên H1 rủ Nguyễn Văn K, tháo thiết bị ổ cứng camera. H1 gọi điện nhờ Trương Hải N chở đến cầu treo K vứt xuống sông. Trên đường về N chở H1 đến đường B lấy bao tải súng mang đến nhà bà Thủy cất giấu. Kết luận giám định 03 khẩu súng tự chế, không phải là vũ khí quân dụng. Tòa án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Nhật Q phạm tội “*Giết người*” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và xử phạt 13 năm 6 tháng tù; Phạm Quốc Đ phạm tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại điểm h, khoản 2 Điều 304 và điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự và xử phạt 14 năm tù hai tội; Trương Hải N phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại khoản 1 Điều 304 và điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự xử phạt 8 năm 6 tháng tù hai tội; Lê Bá C phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự xử phạt 5 năm 6 tháng tù; Trình Quốc H phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự xử phạt 5 năm tù.

[2] Xét kháng cáo của người bị hại anh Nguyễn Văn T, thấy:

Sau khi Phạm Anh T1 khởi xướng việc đánh nhóm người Hải Phòng, Hoàng Văn H và Trương Hải N về nhà T1 lấy vũ khí là 2 khẩu súng AK, T1 bắn 02 phát súng lên trần nhà, Đ bắn 01 phát; khi người bị hại T2, H2, T, D vào trong quán Bar, bị T1 và những người trong nhóm T1 xông vào dùng tay chân đâm, đá; dùng ly, ghế ném vào nhóm của H2. Còn T1 dùng dao đâm làm T2, T và D bị thương chạy được ra ngoài. H2 bị thương nằm gục dưới sàn quán Bar, T1 đưa dao và bảo Nguyễn Nhật Q cắt đứt gân gót chân của H2. H quả Vũ Văn H2 và H2 Tất T2 tử vong do vết thương quá nặng, Nguyễn Văn T bị thương tích 4%. Các bị cáo ra trước quán Bar, T1 hô hào mọi người đi tìm nhóm Hải phòng để đánh, gồm: T1, Đ,Trình Quốc H, Hoàng Văn H, Lê Bá C, Trần Đăng C1, Nguyễn Bảo C, Nguyễn Tấn P đi xe mô tô đến số nhà 299 đường P, nhà 133 đường T và 40 N. T1 dùng súng bắn vào trong nhà và cùng các bị cáo khác phá cổng, cửa để tìm anh Đ và anh H nhưng không có nên về cầu Đ và giải tán. Kết quả làm Đỗ Anh S bị thương tích 5%; chết một con chó và hư hỏng một số tài sản trị giá 74.000.000 đồng. Xét thấy hậu quả xảy ra là đặc biệt nghiêm trọng; các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc chuẩn bị từ trước; tuy nhiên khi được T1 hô kích động đánh nhóm người Hải Phòng thì các bị cáo cùng hưởng ứng làm theo lời của T1; do đó, hành vi của các bị cáo có dấu hiệu đồng phạm với Phạm Anh T1 và Nguyễn Nhật Q về tội “*Giết người*”. Tòa án sơ thẩm chỉ xét xử một bị cáo Nguyễn Nhật Q phạm tội “*Giết người*” (riêng Phạm Anh T1 đã bỏ trốn) đối với các bị cáo khác cấp sơ thẩm không khởi tố điều tra, truy tố và xét xử về tội “*Giết người*” là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm; tuy nhiên vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã kiến nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về tội “*Giết người*” để điều tra lại. Xét thấy việc điều tra truy tố xét xử lại về tội “*giết người*” không ảnh hưởng đến các tội danh khác đã được Bản án sơ thẩm xét xử nên không nhất thiết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị hại, kiến nghị của Hội đồng xét xử sơ thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm về tội “*Giết người*”(tội danh và hình phạt) đối với bị cáo Nguyễn Nhật Q, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra lại theo thủ tục chung. Do hủy án nên kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật Q xin giảm nhẹ hình phạt và hành vi của các bị cáo có dấu hiệu đồng phạm về tội “*Giết người*” Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các bị cáo khác: Bị cáo Hoàng Văn H, Nguyễn Thế H1, Trần Đăng C1, Nguyễn Văn K sau khi xét xử sơ thẩm đều không kháng cáo, nhưng người bị hại kháng cáo cho rằng các bị cáo đồng phạm tội “*Giết người*”; xét thấy các bị cáo có dấu hiệu đồng phạm về tội “*giết người*” chưa được điều tra tuy tố xét xử không ảnh hưởng đến các tội danh khác Bản án sơ thẩm đã xét xử và Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo với các tội danh và hình phạt đối với từng bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật; do đó giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Phạm Quốc Đ, thấy: Hành vi của bị cáo Đ tham gia với vai trò là người thực hành rất tích cực, sau khi phạm tội đã cố ý xóa dấu vết hiện trường gây khó khăn cho cơ quan điều tra vụ án, sử dụng và tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước; xâm phạm đến trật tự nơi công cộng, gây mất an ninh tại địa phương và làm cho quần chúng nhân dân trên địa bàn lo sợ, phạm tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và Gây rối trật tự công cộng*”, phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h, khoản 2 Điều 304 và điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; mức án Tòa án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 14 năm tù cả hai tội là cần thiết và đúng pháp luật; do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.2] Đối với các bị cáo Trương Hải N, Lê Bá C, Trình Quốc H, thấy: Các bị cáo đều bị Phạm Anh T1 rủ rê lôi kéo phạm tội và có vai trò thứ yếu; Tòa án sơ thẩm kết án bị cáo Lê Bá C theo điểm b,e khoản 2 Điều 318; bị cáo Trình Quốc H theo điểm b khoản 2 Điều 318 về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; bị cáo Trương Hải N theo điểm b khoản 2 Điều 318, khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội “*Gây rối trật tự công cộng và Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên xét thấy: Các bị cáo Trương Hải N, Lê Bá C, Trình Quốc H đều không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Đối với bị cáo Trình Quốc H được Công an tỉnh Kon Tum xác nhận về việc đã lập công trong việc phát hiện tội phạm và động viên người phạm tội ra đầu thú giúp cơ quan điều tra sớm giải quyết vụ án; bị cáo có công sức nhận nuôi dưỡng chăm sóc và trợ cấp cho 3(ba) cháu trẻ mồ côi tại Cở sở mầm non Từ Tâm O(tỉnh Gai Lai); đối với Trương Hải N lần đầu phạm tội, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương từ trước đến khi phạm tội chưa có vi phạm pháp luật; các bị cáo N, C và Trình Quốc H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Các bị cáo phạm tội thuộc khoản 2 Điều 318 BLHS năm 2015 có khung hình phạt từ 2(hai) năm đến 7(bảy) năm tù và khoản 1 Điều 301 có khung hình phạt từ 1(một) năm đến 7(bảy) năm tù; mức hình phạt tù của Bản án sơ thẩm áp dụng đối với Trương Hải N phạm tội một tình tiết định khung khoản 2 Điều 318 BLHS là: 4(bốn) năm tù và khoản 1 Điều 304 BLHS là 4 năm 6 tháng tù, tổng hợp chung là 8 năm 6 tháng tù cho hai tội “*Gây rối trật tự công cộng và tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”; đối với bị cáo Lê Bá C 5 năm 6 tháng tù đối với hai tiết định khung khoản 2 Điều 318 BLHS, Trình Quốc H 5 năm tù đối với một tiết định khung khoản 2 Điều 318 BLHS về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” là có phần cao trong khung phạt so với hành vi mức độ phạm tội các bị cáo; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo sửa Bản án sơ thẩm giảm cho các bị cáo một phần hình phạt tù.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm

không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Người bị hại kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357; điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị hại anh Nguyễn Văn T hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm.

Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HSST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Nhật Q về tội “Giết người”. Giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Quốc Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm h, khoản 2 Điều 304 và điểm b, e khoản 2 Điều 318; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc Đ** 08 (Tám) năm tù, về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và 06 (Sáu) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung đối với 02 tội là: 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26 tháng 8 năm 2018.

3. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Hải N, Lê Bá C và Trình Quốc H sửa Bản án hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304 và điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trương Hải N** 3 (Ba) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và 3 (Ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung đối với 02 tội là: 6 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07 tháng 8 năm 2018.

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Bá C** 04 (Bốn) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 05 năm 06 tháng tù của bản án số: 30/HS-ST ngày 12/07/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo Lê Bá C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/8/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trình Quốc H** 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/8/2018 đến ngày 28/11/2019.

4. Giữ nguyên tội danh và mức hình phạt tù của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Hoàng Văn H, Trần Đăng C1, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Văn K.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn H** 05 (Năm) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2018 đến ngày 22/11/2019.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Đăng C1** 03 (Ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018 đến ngày 22/11/2019.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế H1** 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/8/2018.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 02 (Hai) năm tù về tội “Che giấu tội phạm”, nhưng cho hưởng án treo về tội “Che giấu tội phạm”. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2019).

Giao bị cáo cho UBND phường Quyết T2, thành phố KonTum, tỉnh KonTum giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HSST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về trách nhiệm hình sự, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí:

Người bị hại anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Nhật Q, bị cáo Trương Hải N, bị cáo Lê Bá C và Trình Quốc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Quốc Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

7. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS- Công an thành phố K;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn